

A, ngày 06 tháng 5 năm 2021

Số: 149/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Mè Văn C** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyền Quang.

Bị đơn: Chị **Lương Thị H** - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Mè Văn C** và chị **Lương Thị H**; Anh **C** và chị **H** cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyền Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh **Mè Văn C** và chị **Lương Thị H** thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh **Mè Văn C** và chị **Lương Thị H** thoả thuận nhất trí giao cháu **Mè Trung K** – Sinh ngày: 12/01/2012 cho anh **Mè Văn C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **K** trưởng thành, đủ 18 tuổi

hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 27/4/2021. Chị Lương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Anh Mè Văn C và chị Lương Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Mè Văn C và chị Lương Thị H thỏa thuận nhất trí để anh Mè Văn C chịu 150.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai số AA/2019/0003777 nộp ngày 05/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Trả lại cho chị Mè Văn C 150.000^d tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Chị Lương Thị H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã C, huyện A, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Việt C